

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 189/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Dương Bá T, sinh năm 1984 và bà Lưu Thị Ngọc A, sinh năm 1992. Cùng trú tại: Tô 38 Thành V, phường TQ, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Bá T và bà Lưu Thị Ngọc A kết hôn vào năm kết hôn vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Hải, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Mâu thuẫn của vợ chồng đã thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không hòa hợp, hiện nay vợ chồng đã không còn chung sống với nhau nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Dương Bá T và bà Lưu Thị Ngọc A đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: Ông Dương Bá T và bà Lưu Thị Ngọc A xác định có 03 con chung là Dương Bá H, sinh ngày 19.11.2010; Dương Thùy Nhã U, sinh ngày 01.8.2012 và Dương Thùy Nhã Ph, sinh ngày 14.11.2014. Hai bên thống nhất thỏa thuận: Ông Dương Bá T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung đến tuổi trưởng thành. Bà Lưu Thị Ngọc A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự bảo đảm quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung: Ông Toàn và bà Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông Toàn và bà Anh xác nhận không có.

[5]. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông Dương Bá T và bà Lưu Thị Ngọc A chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 31.8.2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Bá T và bà Lưu Thị Ngọc A thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 113 của UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24.06.2010 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Dương Bá T và bà Lưu Thị Ngọc A xác định có 03 con chung là Dương Bá H, sinh ngày 19.11.2010; Dương Thùy Nhã U, sinh ngày 01.8.2012 và Dương Thùy Nhã Ph, sinh ngày 14.11.2014. Hai bên thống nhất thỏa thuận:

Ông Dương Bá T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 03 con chung là Dương Bá H, sinh ngày 19.11.2010; Dương Thùy Nhã U, sinh ngày 01.8.2012 và Dương Thùy Nhã Ph, sinh ngày 14.11.2014 đến tuổi trưởng thành.

Bà Lưu Thị Ngọc A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Toàn và bà Ngọc Anh không yêu cầu.

1.4. Về nợ chung: Ông Toàn và bà Ngọc Anh xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng y) ông Dương Bá T và bà Lưu Thị Ngọc A phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003996 ngày 23.8.2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Ông Dương Bá T và bà Lưu Thị Ngọc A đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND P. Hòa Hải, q Ngũ Hành Sơn, TP ĐN
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Thủy

